

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 14/8/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Trung Kiên và ông Lý A Giàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phìn Đại Quảng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên;

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Nơi ĐKNKTT: Thôn Pác Khuông, xã Thiện Thuật, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở: Thôn Nà Van, xã Tú Mịch, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

2. Bị đơn: Anh Lục Văn D, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố I, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở: Tiểu đoàn huấn luyện cơ động, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Đ (xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/6/2024, quá trình giải quyết nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị Hoàng Thị T và anh Lục Văn D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 07/01/2015. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm và thường xuyên cãi vã, hai vợ chồng không còn quan tâm chia sẻ với nhau, không còn cùng nhau vun vén kinh tế, chăm sóc con cái và xây dựng cuộc sống chung, hai vợ chồng đã ly thân nhau.

Nay xét thấy tình cảm không còn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D;

Về con chung: Chị T đề nghị giải quyết việc nuôi con chung đối với cháu Lục Hoàng Bích H sinh ngày 27/10/2016, cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, đang ở với chị T. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu. Hiện chị đang làm giáo viên, có thu nhập trung bình khoảng 07 triệu đồng/01 tháng. Đủ điều kiện để nuôi cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/01 tháng, cấp dưỡng hàng tháng, kể từ tháng 06 năm 2024.

Về quan hệ tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc nên chị T không đến Tòa được, chị có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết, tại Bản tự khai ngày 05/7/2024, anh Lục Văn D trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Hoàng Thị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 07/01/2015. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm tính tình không hợp, không còn cùng nhau vun vén kinh tế. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh D nhất trí ly hôn;

Về con chung: Hai vợ chồng có một con chung là cháu Lục Hoàng Bích H sinh ngày 27/10/2016, cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, đang ở với chị T. Khi ly hôn anh D nhất trí để chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu, đồng ý mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/01 tháng, cấp dưỡng hàng tháng, kể từ tháng 06 năm 2024 vì phù hợp với thu nhập của anh D.

Về quan hệ tài sản: Anh Dũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc nên anh D có đơn xin xét xử vắng mặt và từ chối tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 11/6/2024 chị Hoàng Thị T nộp đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên đối với anh Lục Văn D; Địa chỉ chỗ ở: Tiểu đoàn huấn luyện cơ động, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Đ (xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên). Chị T có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ngày 11/6/2024 chị T đã nộp tạm ứng án phí, ngày 13/6/2024 Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị T theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Hoàng Thị T và anh Lục Văn D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Chị T, anh D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Lục Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 07/01/2015 các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh D là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì lâm vào mâu thuẫn. Hiện chị T và anh D không còn quan tâm, tôn trọng, chia sẻ và chăm sóc nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, không cùng nhau vun vén kinh tế, hiện đã ly thân. Những nội dung trên các bên đều thừa nhận, chính quyền địa phương cũng đã xác nhận. Chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn, anh D cũng nhất trí ly hôn. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định hai bên đương sự đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, Hội đồng xét xử thấy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị T, giải quyết cho ly hôn giữa chị T với anh D.

Về con chung: Chị T và anh D có một con chung là cháu Lục Hoàng Bích H sinh ngày 27/10/2016. Hội đồng xét xử thấy rằng chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H. Nguyện vọng này phù hợp với nguyện vọng của cháu H, anh D cũng nhất trí giao cháu cho chị T trực tiếp chăm sóc nên Hội đồng xét xử căn cứ các quy định tại Điều 58, Điều 69, các khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 giao cháu H cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung của chị T, Hội đồng xét xử đã quyết định giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng nên căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình buộc anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung và áp dụng mức cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/01 tháng, cấp dưỡng hàng tháng, kể từ tháng 6 năm 2024 là phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng và điều kiện kinh tế của cả chị T và anh D, việc cấp dưỡng này đảm bảo quyền lợi cho cháu H.

Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về Án phí: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án, buộc anh D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T, cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Lục Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lục Hoàng Bích H sinh ngày 27/10/2016 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác.

Anh Lục Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Lục Hoàng Bích H, mức cấp dưỡng là 3.000.000 (ba triệu) đồng /01 (một) tháng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng vào ngày 15 của tháng, kể từ tháng 6 năm 2024.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền trên thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã

nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Chà theo biên lai thu tiền số 0001711 ngày 11/6/2024, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lục Văn D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mường Chà;
- Chi cục THADS huyện Mường Chà;
- Tòa án tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Tú Mịch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Ngọc